

PHẦN I

HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

TẬP ĐƠN GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG

TỈNH LÀO CAI

I - QUY ĐỊNH CHUNG

1. Máy và thiết bị thi công quy định tại công bố này là các loại máy và thiết bị được truyền chuyển động bằng động cơ chạy bằng xăng, dầu, điện, khí nén; được sử dụng cho công tác xây dựng và lắp đặt thiết bị ở các công trường xây dựng. Một số loại thiết bị không có động cơ như rơ moóc, sà lan,... nhưng tham gia vào các công tác nói trên thì cũng được coi là máy và thiết bị thi công.

2. Mục đích áp dụng: Bảng giá ca máy và thiết bị thi công trong tập Đơn giá (sau đây gọi là giá ca máy) làm cơ sở xác định chi phí máy thi công trong đơn giá xây dựng công trình, tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình và vận dụng để lập giá dự thầu, đánh giá dự thầu và ký kết hợp đồng giao nhận thầu thi công xây dựng công trình.

3. Đối tượng và phạm vi áp dụng: Giá ca máy này dùng để xác định chi phí sử dụng máy trong chi phí đầu tư xây dựng công trình của các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm ngân sách Trung ương và ngân sách các cấp địa phương); dùng để tham khảo, vận dụng trong quá trình xác định giá ca máy cho các công trình sử dụng các nguồn vốn khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

4. Bảng giá ca máy và thiết bị thi công được xây dựng trên cơ sở các mức chuẩn theo thông số kỹ thuật chủ yếu của máy như: Công suất động cơ, dung tích gầu, sức nâng của cần trục, ...

5. Chi phí cho các loại công tác xây dựng nhà bao che cho máy, nền móng máy, hệ thống cấp điện - nước - khí nén và các loại công tác xây dựng tương tự thực hiện tại hiện trường phục vụ cho việc lắp đặt, vận hành của một số loại máy như trạm trộn bê tông xi măng, trạm trộn bê tông nhựa, cần trục di chuyển trên ray và các loại thiết bị tương tự thì được lập dự toán riêng theo biện pháp thi công và tính vào chi phí khác của dự toán công trình.

II - KẾT CẤU CỦA TẬP ĐƠN GIÁ

1-/ Phần 1: Hướng dẫn áp dụng tập Đơn giá ca máy và thiết bị thi công tỉnh Lào Cai bao gồm các nội dung:

- Những quy định chung.
- Nội dung chi phí trong giá ca máy.
- Các cơ sở pháp lý để tính giá ca máy.
- Tổ chức thực hiện.

2-/ Phần 2: Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình tỉnh Lào Cai.

- Giá ca máy trong tập Đơn giá áp dụng mức lương cơ sở với các loại phụ cấp theo qui định và tính cho vùng có phụ cấp khu vực bằng 30%.

- Các khu vực có mức phụ cấp khu vực khác mức 30% thì được áp dụng hệ số điều chỉnh.

III - NỘI DUNG CHI PHÍ TRONG GIÁ CA MÁY

1. Nội dung chi phí trong giá ca máy.

Giá ca máy là mức chi phí dự tính cần thiết cho máy và thiết bị thi công làm việc trong một ca.

Các khoản mục chi phí được tính vào giá ca máy bao gồm: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhiên liệu, năng lượng, tiền lương thợ điều khiển máy và chi phí khác của máy.

2. Các thành phần chi phí trong giá ca máy.

Công thức tổng quát tính giá ca máy (C_{CM}):

$$C_{CM} = C_{KH} + C_{SC} + C_{NL} + C_{TL} + C_{CPK} \quad (\text{đ/ca})$$

Trong đó:

- C_{KH} : Chi phí khấu hao (đ/ca)
- C_{SC} : Chi phí sửa chữa (đ/ca)
- C_{NL} : Chi phí nhiên liệu - năng lượng (đ/ca)
- C_{TL} : Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy (đ/ca)
- C_{CPK} : Chi phí khác (đ/ca)

2.1. Chi phí khấu hao (C_{KH})

Chi phí khấu hao tính trong giá ca máy là khoản chi về hao mòn của máy và thiết bị thi công trong thời gian sử dụng, được xác định theo công thức:

$$C_{KH} = \frac{(\text{Nguyên giá} - \text{Giá trị thu hồi}) \times \text{Định mức khấu hao năm}}{\text{Số ca năm}} \quad (\text{đồng/ca})$$

Trong đó:

- Nguyên giá: Gồm giá mua máy, thiết bị (không kể chi phí cho vật tư, phụ tùng thay thế mua kèm theo), chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, chi phí lưu kho, vận chuyển từ cảng về nơi đặt máy, chi phí lắp đặt, chạy thử lần đầu, các khoản chi phí hợp lệ khác có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư máy.

- Giá trị thu hồi là giá trị phần còn lại của máy và thiết bị sau khi thanh lý và được xác định như sau:

Máy và thiết bị có giá tính khấu hao từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên giá trị thu hồi là 5% giá tính khấu hao. Không tính giá trị thu hồi với máy và thiết bị có giá tính khấu hao nhỏ hơn 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Định mức khấu hao năm: là định mức về mức độ giảm giá trị bình quân của máy do hao mòn (vô hình và hữu hình) sau một năm sử dụng. Định mức khấu hao năm tính theo tỷ lệ %.

- Số ca năm: là số ca làm việc hữu ích của máy trong một năm tương ứng với điều kiện khai thác, sử dụng máy và thiết bị bình thường.

Giá tính khấu hao, giá trị thu hồi, định mức khấu hao năm, số ca làm việc trong năm của ca máy, thiết bị thi công tính trong đơn giá này xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình.

2.2. Chi phí sửa chữa (C_{SC})

Chi phí sửa chữa tính trong giá ca máy là các khoản chi phí sửa chữa, bảo dưỡng nhằm duy trì và khôi phục năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn của máy.

Công thức tính C_{SC}:

$$C_{SC} = \frac{\text{Nguyên giá} \times \text{Định mức sửa chữa năm}}{\text{Số ca năm}} \quad (\text{đồng/ca})$$

Trong đó:

- Nguyên giá, số ca máy năm: Xác định như mục 2.1 nêu trên.
- Định mức sửa chữa năm theo hướng dẫn tại Thông tư số: 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công.

Nội dung công việc sửa chữa máy được xác định theo quy định về bảo dưỡng kỹ thuật, sửa chữa định kỳ, quy trình vận hành của từng loại máy và các quy định có liên quan.

Chi phí sửa chữa xác định trong đơn giá này là mức chi phí sửa chữa tương ứng với điều kiện khai thác, sử dụng máy bình thường; chưa bao gồm chi phí thay thế các loại phụ tùng thuộc bộ phận công tác của máy và thiết bị có giá trị lớn mà sự hao mòn của chúng phụ thuộc chủ yếu vào tính chất của đối tượng công tác (ví dụ như cần khoan, mũi khoan và các loại phụ tùng thay thế tương tự).

2.3. Chi phí nhiên liệu, năng lượng (C_{NL})

Chi phí nhiên liệu, năng lượng tính trong giá ca máy là khoản chi phí về nhiên liệu, năng lượng tạo ra động lực cho máy hoạt động (xăng, dầu, điện hoặc khí nén) và các loại nhiên liệu phụ như dầu mỡ bôi trơn, nhiên liệu để điều chỉnh, nhiên liệu cho động cơ lai, dầu truyền động.

$$C_{NL} = \text{Định mức nhiên liệu năng lượng} \times \text{Giá nhiên liệu năng lượng} \times K_P \quad (\text{đồng/ca})$$

- Định mức nhiên liệu, năng lượng (lít/ca, Kwh/ca, m³/ca): Định mức tiêu hao các loại nhiên liệu, năng lượng như xăng, dầu, điện hoặc khí nén để tạo ra động lực cho máy làm việc trong một ca.

- Giá nhiên liệu, năng lượng: Mức giá (chưa có thuế giá trị gia tăng) các loại xăng, dầu, điện hoặc khí nén (đ/lít, đ/Kwh, đ/m³) tính theo mức giá tại thời điểm quý II/2013 tại tỉnh Lào Cai (giá theo Quyết định số 363/PLXLC-QĐGD ngày 26/4/2013 của công ty Xăng dầu Lào Cai, giá điện năng theo Thông tư số 38/2012/TT-BCT ngày 20/12/2012 của Bộ Công thương: Quy định về giá bán điện và hướng dẫn thực hiện), cụ thể như sau:

* Giá xăng Mogas 92 KC = 20.918,18 đồng/ lít

* Giá dầu Diesel 0,05S = 19.200,00 đồng /lít

Giá trên chưa bao gồm thuế VAT và phí xăng dầu; Phí xăng dầu được tính vào đơn giá dự toán sau thuế.

* Giá điện: 1.339,00 đ/KWh (áp dụng giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất cấp điện áp dưới 6KV, giờ bình thường).

- K_p: là hệ số chi phí nhiên liệu, dầu mỡ phụ cho một ca máy làm việc, được quy định như sau:

- Động cơ xăng: 1,03

- Động cơ Diesel: 1,05

- Động cơ điện: 1,07

- Trường hợp xác định giá ca máy của các loại máy để thực hiện một số loại công tác (như khảo sát xây dựng, thí nghiệm vật liệu, thí nghiệm cấu kiện, kết cấu xây dựng và một số loại công tác khác) mà chi phí nhiên liệu, năng lượng đã tính vào hao phí vật liệu trong định mức dự toán công trình thì không tính trong giá ca máy.

Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng của tàu công tác sông và xuống cao tốc khi thao tác được tính bằng 65 % định mức khi hành trình.

- Trong giá ca máy chưa bao gồm phí xăng dầu. Khi tính chi phí máy trong dự toán xây dựng công trình cần tính bù phí xăng dầu theo định mức tiêu hao nhiên liệu của máy, thiết bị thi công (Vì phí xăng dầu không phải tính thuế giá trị gia tăng).

- Chi phí nhiên liệu, năng lượng trong giá ca máy được điều chỉnh (bù, trừ) theo nguyên tắc phù hợp với các thay đổi về giá nhiên liệu, năng lượng do cấp có thẩm quyền quy định tại từng thời điểm.

2.4. Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy (C_{TL})

Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy tính trong giá ca máy là khoản chi về tiền lương và các khoản phụ cấp lương, lương phụ tương ứng với cấp bậc của người điều khiển máy theo yêu cầu kỹ thuật.

Công thức tính C_{TL}:

$$C_{TL} = \sum_{i=1}^n N_i \cdot C_{TLi} \quad (\text{đồng /ca})$$

Trong đó:

- N_i : Số lượng thợ điều khiển máy loại i

- C_{TLi} : Đơn giá tiền lương ngày công thợ điều khiển máy loại i

- n : Số lượng loại thợ điều khiển máy trong ca

Thành phần, cấp bậc, số lượng thợ điều khiển máy của từng loại máy xác định theo yêu cầu của quy trình vận hành máy, tiêu chuẩn cấp bậc công nhân kỹ thuật và điều kiện cụ thể của công trình.

a) *Mức lương tối thiểu để tính chi phí thợ điều khiển máy:*

- Căn cứ văn bản số 2313/UBND-QLĐT ngày 28/6/2013 của UBND tỉnh Lào Cai v/v thống nhất mức lương cơ sở trong đơn giá, dự toán các công trình xây dựng cơ bản mức 1.400.000 đồng.

b) Các khoản phụ cấp được áp dụng như sau:

b1-/ Phụ cấp lưu động: Tính bằng 40% lương tối thiểu theo Thông tư 05/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (tính trên lương cơ sở).

b2-/ Phụ cấp khu vực: Tính bằng 30% lương tối thiểu đối với lao động hoạt động xây dựng trong phạm vi thành phố Lào Cai và một số xã trong tỉnh Lào Cai theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 của liên bộ: Bộ Nội vụ, Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính, Ủy ban dân tộc (tính trên lương cơ sở).

-Trường hợp máy và thiết bị thi công làm việc ở các nơi có phụ cấp khu vực khác mức 30% theo Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/01/2005 và văn bản số 672/SNV-XDCQ ngày 22/11/2007 của Sở Nội vụ Lào Cai (theo bảng 1) thì giá ca máy được tính theo công thức sau:

$$G_{CM \text{ tính toán}} = G_{CM} + (K_{BX} * PC_{KVLĐ})$$

Trong đó:

- $G_{CM \text{ Tính toán}}$: Giá ca máy tính toán cho khu vực có phụ cấp khu vực khác mức 30%.
- G_{CM} : Giá ca máy trong bảng giá ca máy được lấy theo số liệu cột 11.
- $PC_{KVLĐ}$: Phụ cấp khu vực 30% + phụ cấp lưu động 40% công bố trong bảng giá ca máy được lấy theo số liệu cột 9.
- K_{BX} : Hệ số điều chỉnh bổ sung phụ cấp khu vực có mức khác 30%.

Cụ thể áp dụng cho từng khu vực phụ cấp khác nhau như sau:

+ Nơi có phụ cấp khu vực 40%: $K_{BX} = 0,1429$

+ Nơi có phụ cấp khu vực 50%: $K_{BX} = 0,2857$

+ Nơi có phụ cấp khu vực 70%: $K_{BX} = 0,5714$

Ví dụ 1:

Giá một ca máy Trạm trộn bê tông Asphan-năng suất 25T/h (140T/ca) tại xã A thuộc vùng IV được áp dụng hệ số khu vực là 0,7 được tính như sau:

Các thông số:

- Giá một ca máy Trạm trộn bê tông Asphan-năng suất 25T/h (140T/ca) là: 6.306.090 đồng (theo cột 11 trong bảng Đơn giá ca máy).

- Phụ cấp khu vực (0,3) và phụ cấp lưu động (0,4): 452.307,69 đồng (theo cột 9 trong bảng Đơn giá ca máy).

Giá một ca máy Trạm trộn bê tông Asphan-năng suất 25T/h (140T/ca) tại xã A là:

$$G_{CM} = 6.306.090 + 0,5714 \times 452.307,69 = 6.564.538,78 \text{ (đồng)}$$

Bảng 1: Hệ số phụ cấp khu vực tại các vùng trong tỉnh Lào Cai:

1. Thành phố Lào Cai:	
- Hệ số 0,3:	Các phường: Duyên Hải, Lào Cai, Phố Mới, Cốc Lếu, Kim Tân, Bắc Lệnh, Pom Hán, Xuân Tăng, Thống Nhất, Bắc Cường, Nam Cường, Bình Minh; Các xã: Đồng Tuyển, Vạn Hoà, Cam Đường, Tả Phời, Hợp Thành.
2. Huyện Bát Xát:	
- Hệ số 0,7	Các xã: Phìn Ngan, Nậm Chạc, A Mú Sung, A Lù, Pa Cheo, Nậm Pung, Dền Thàng, Trung Lềng Hồ, Sàng Ma Sáo, Dền Sáng, Ngải Thầu, Ý Tý, Bản Xèo, Mường Hum, Tòng Sành.
- Hệ số 0,5	Các xã: Trịnh Tường, Cốc Mỳ, Bản Vược, Mường Vỵ.
- Hệ số 0,4:	Các xã: Cốc San, Quang Kim, Bản Qua, Thị trấn Bát Xát.
3. Huyện Mường Khương:	
- Hệ số 0,7:	Các Xã: Pha Long, Tả Ngải Chồ, Tung Chung Phố, Dìn Chín, Tả Gia Khâu, Nậm Chảy, Nấm Lư, Lùng Khẩu Nhìn, Thanh Bình, Cao Sơn, Lùng Vai, La Pán Tẩn, Tả Thàng, Bản Lầu, Bản Sen.
- Hệ số 0,5	Các xã: Mường Khương.
4. Huyện Si Ma Cai:	
- Hệ số 0,7:	Các xã: Si Ma Cai, Nàn Sán, Thào Chư Phìn, Bản Mế, Sán Chải, Mản Thẩn, Lùng Sui, Cán Cầu, Sín Chéng, Cán Hồ, Quan Thần Sán, Lữ Thẩn, Nàn Xín.
5. Huyện Bắc Hà	
- Hệ số 0,7:	Các xã: Lùng Cải, Bản Già, Lùng Phình, Tả Van Chư, Tả Củ Tỷ, Thải Giàng Phố, Lầu Thí Ngài, Hoàng Thu Phố, Bản Phố, Bản Liền, Nậm Đét, Nậm Khánh, Nậm Mòn, Cốc Ly, Nậm Lúc, Bản Cái.
- Hệ số 0,5:	Thị trấn Bắc Hà, các xã: Tả Chải, Bảo Nhai, Na Hối, Cốc Lầu.
6. Huyện Bảo Thắng:	
- Hệ số 0,4:	Các xã: Thái Niên, Phong Niên, Trì Quang, Bản Phiệt, Xuân Giao, Bản Cầm, Phú Nhuận, Thị trấn Tăng Loỏng, Thị trấn Nông trường Phong Hải.
- Hệ số 0,3:	Các xã: Gia Phú, Xuân Quang, Sơn Hải, Sơn Hà, Phố Lu, Thị trấn Phố Lu.
7. Huyện Bảo Yên:	
- Hệ số 0,7:	Xã Tân Tiến.
- Hệ số 0,5:	Xã Nghĩa Đô.
- Hệ số 0,4:	Các xã: Xuân Hoà, Vĩnh Yên, Điện Quan, Thượng Hà, Cam Cọn.
- Hệ số 0,3:	Các xã: Tân Dương, Kim Sơn, Minh Tân, Xuân Thượng, Viện Tiến, Yên Sơn, Bảo Hà, Lương Sơn, Long Phúc, Long Khánh; Thị trấn Phố Ràng.

8. Huyện Sa Pa	
- Hệ số 0,7:	Các xã: Suối Thầu, Bản Phùng, Bản Hồ, Nậm Cang, Nậm Sài, Tả Van, Bản Khoang, Tả Giàng Phình, Lao Chải, San Sả Hồ, Tả Phìn.
- Hệ số 0,5:	Các xã: Trung Chải, Sa Pả, Hầu Thào, Thanh Kim, Sừ Pán, Thanh Phú.
- Hệ số 0,4:	Thị trấn Sa Pa
9. Huyện Văn Bàn:	
- Hệ số 0,7:	Các xã: Nậm Xé, Nậm Xây.
- Hệ số 0,5:	Các xã: Khánh Yên Hạ, Nậm Chầy, Minh Lương, Thảm Dương, Dân Thàng, Nậm Dạng, Chiềng Ken, Liêm Phú, Nậm Tha, Nậm Mả.
- Hệ số 0,4:	Các xã: Văn Sơn, Võ Lao, Sơn Thủy, Tân Thượng, Tân An, Khánh Yên Thượng, Làng Giàng, Hoà Mạc, Khánh Yên Trung, Dương Quý.
- Hệ số 0,3:	Thị trấn Khánh Yên

b3-/ Một số khoản lương phụ (lễ, tết, phép...) bằng 12% lương cơ bản và một số chi phí có thể khoán trực tiếp cho người lao động bằng 4% lương cơ bản được tính áp dụng theo Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình (tính trên lương cơ sở và áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương trong Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ).

b4-/ Phụ cấp độc hại nguy hiểm: Trong đơn giá này chưa tính phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho thợ điều khiển máy. Trong trường hợp cụ thể áp dụng theo quy định tại Thông tư số 04/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm trong các công ty Nhà nước theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ (tính trên lương cơ sở).

c) Hệ số bậc thợ:

Được áp dụng theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty Nhà nước, cụ thể:

- Đối với công nhân xây dựng cơ bản áp dụng ngạch 8, nhóm II, thang lương 7 bậc, bảng lương A1.
- Đối với công nhân lái xe áp dụng theo bảng lương B12.
- Đối với thuyền viên và công nhân vận tải đường sông áp dụng theo bảng lương B2 và B5 - mục 2.

d. Ngày công bình quân/tháng: Dùng để tính chi phí tiền lương thợ điều khiển máy lấy = 26 ngày công/tháng (theo Điều 68 Bộ Luật Lao động).

e. Trường hợp xác định giá ca máy của các loại máy để thực hiện một số loại công tác mà chi phí nhân công điều khiển máy đã tính theo hao phí nhân công trong định mức dự toán công trình (như khảo sát xây dựng, thí nghiệm vật liệu, thí

nghiệm cấu kiện, kết cấu xây dựng và một số loại công tác khác) thì không tính chi phí nhân công điều khiển máy trong giá ca máy.

f. Điều chỉnh chi phí tiền lương thợ điều khiển máy:

Chi phí tiền lương thợ điều khiển máy trong đơn giá ca máy được điều chỉnh khi có sự thay đổi về chế độ tiền lương (lương tối thiểu, các loại phụ cấp lương) do cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều chỉnh chi phí tiền lương thợ điều khiển máy trong đơn giá ca máy theo công thức tổng quát sau:

$$G_{CM \text{ mới}} = \left(G_{CM} - \begin{array}{c} \text{Lương và các khoản phụ cấp} \\ \text{- lương cũ sẽ được điều chỉnh đã} \\ \text{tính trong tập đơn giá} \end{array} \right) + \begin{array}{c} \text{Lương và các khoản} \\ \text{phụ cấp lương mới} \\ \text{được điều chỉnh.} \end{array}$$

Trong đó:

$G_{CM \text{ mới}}$: Giá ca máy mới tính theo chế độ lương mới.

G_{CM} : Giá ca máy tại cột 11 trong tập đơn giá.

2.5 Chi phí khác (C_{CPK})

Chi phí khác của máy tính trong giá ca máy là các khoản chi đảm bảo cho máy hoạt động bình thường, có hiệu quả tại công trình.

Công thức tính C_{CPK} :

$$C_{CPK} = \frac{\text{Nguyên giá} \times \text{Định mức chi phí khác năm}}{\text{Số ca năm}} \quad (\text{đồng/ca})$$

Trong đó:

- Nguyên giá, số ca năm: Xác định như mục 2.1 nều trên.
- Định mức chi phí khác trong năm theo hướng dẫn tại Thông tư số: 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công.

Nội dung chi phí khác bao gồm:

- Chi phí bảo hiểm máy, thiết bị trong quá trình sử dụng;
- Chi phí bảo quản máy và phục vụ cho công tác bảo dưỡng kỹ thuật trong bảo quản máy;
- Chi phí đăng kiểm các loại;
- Chi phí di chuyển máy trong nội bộ công trình.
- Chi phí khác có liên quan đến quản lý, sử dụng máy chưa tính trong các nội dung chi phí khác trong đơn giá, dự toán công trình.

3. Xác định giá ca máy chờ đợi:

a) Giá ca máy chờ đợi là giá ca máy của các loại máy đã được huy động đến công trình để thi công xây dựng công trình nhưng chưa có việc để làm mà không do lỗi của nhà thầu.

b) Giá ca máy chờ đợi bao gồm chi phí khấu hao, chi phí tiền lương thợ điều khiển máy và chi phí khác. Các chi phí này được xác định theo bảng giá ca máy của công trình.

IV - CÁC CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ TÍNH GIÁ CA MÁY

- Bộ Luật Xây dựng số 16/2003 Quốc Hội 11 ngày 26/11/2003;
- Bộ Luật Lao động ngày 23/6/1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động ngày 02/4/2002;
- Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty Nhà nước
- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 22/2011/NĐ-CP ngày 04/4/2011 của Chính phủ v/v quy định mức lương tối thiểu chung;
- Căn cứ văn bản số 2313/UBND-QLĐT ngày 28/6/2013 của UBND tỉnh Lào Cai v/v thống nhất mức lương cơ sở trong đơn giá, dự toán các công trình xây dựng cơ bản
- Thông tư số 05/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động trong các Công ty nhà nước theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành;
- Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05/11/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;
- Thông tư 04/2005/TT-BLĐTBXH hướng dẫn chế độ phụ cấp phụ cấp độc hại, nguy hiểm trong các công ty nhà nước theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành;
- Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 v/v hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình của Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 38/2012/TT-BCT ngày 20/12/2012 của Bộ Công thương quy định về giá bán điện và hướng dẫn thực hiện;
- Văn bản số 3285/UBND-QLĐT ngày 29/12/2010 của UBND tỉnh Lào Cai giao Sở Xây dựng chủ trì lập mới Bộ đơn giá xây dựng công trình.
- Công văn số 3280/BNV-TL ngày 14/11/2007 thống nhất sửa đổi, bổ sung phụ cấp khu vực và phụ cấp đặc biệt đối với 13 xã tỉnh Lào Cai.
- Công văn số 672/SNV-XDCQ ngày 22/11/2007 của Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai v/v sửa đổi, bổ sung phụ cấp khu vực và phụ cấp đặc biệt;

- Quyết định số 363/TLXLC-QĐ ngày 26/4/2013 của công ty Xăng dầu Lào Cai.

V - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giá ca máy này dùng để xác định chi phí sử dụng máy trong chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Các chủ đầu tư, tổ chức tư vấn căn cứ tập đơn giá ca máy và thiết bị thi công này và yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công cụ thể của công trình để lập đơn giá, dự toán và quản lý chi phí xây dựng công trình. Chủ đầu tư có thể thuê các tổ chức tư vấn hoặc cá nhân có chức năng và đủ năng lực, kinh nghiệm chuyên môn để xác định hoặc thẩm tra giá ca máy trước khi quyết định áp dụng. Các nhà thầu căn cứ bảng giá ca máy này, giá ca máy trên thị trường và điều kiện cụ thể về máy và thiết bị thi công của mình để xác định giá ca máy làm cơ sở xác định giá dự thầu.

Đối với các công trình xây dựng dạng tuyến đi qua nhiều địa phương như đường giao thông, đường dây tải điện, thủy lợi, cấp thoát nước và các công trình xây dựng dạng tuyến khác, thì chủ đầu tư vận dụng đơn giá ca máy của từng khu vực trong tập đơn giá để lập đơn giá, dự toán và quản lý chi phí xây dựng cho công trình.

2. Những nội dung chưa có trong Hướng dẫn áp dụng tập đơn giá này thì áp dụng theo các quy định trong Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình của Bộ Xây dựng và các quy định hiện hành khác của Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện tập Đơn giá ca máy và thiết bị thi công này, nếu có vướng mắc đề nghị các ngành, các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan phản ánh (bằng văn bản) về Sở Xây dựng Lào Cai trình cấp có thẩm quyền giải quyết./.